

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 3

Trong quyển 3, có hai phần:

### VII. KHÓA GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG (Phần 2)

1. Thích Quán Đảnh ở chùa Quốc Thanh thời Tiền Đường.
2. Thích Tuệ Như chùa Chân Tịnh ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
3. Pháp sư Thích Tăng Long.
4. Thích Khuy Cơ chùa Đại Từ Ân, thời Tiền Đường.
5. Thích Huyền Lăng ở Tả Khê, thời Tiền Đường.
6. Thích Tuệ Minh, thời Tiền Đường.
7. Thích Trí Nhân, thời Tiền Đường.
8. Thích Chí Thật, thời Tiền Đường.
9. Thích Đạo Ngang ở Tượng Châu.
10. Thích Chí Viễn ở Giang Nam.

#### *1. Thích Quán Đảnh ở chùa Quốc Thanh thời Tiền Đường:*

Thích Quán Đảnh tự là Pháp Vân, họ Ngô, người xứ Nghĩa Hưng ở Thường Châu, ông nội Sư lánh đến đất Đông Âu, từ đó chẳng trở về, nay thuộc xứ Chương An, Lâm Hải. Cha Sư sớm qua đời, nên mẹ Sư lo chăm sóc nuôi con. Vừa được ba tháng tuổi, ban đêm bà niệm danh hiệu Phật pháp Tăng, Sư học nói theo, lời câu đều rõ ràng. Mọi người đều lấy làm kinh lạ, do đó trình báo với Pháp sư Tuệ Chứng chùa Nhiếp Tĩnh. Ngài Tuệ Chứng nghe, khen rằng: “Người con ấy thật là phi phàm!” liền lấy chữ “Phi phàm” mà đặt tên tự cho Sư. Đến năm bảy tuổi, Sư trở lại xin làm đệ tử Sa-môn Tuệ Chứng, lần lượt rồi tấn đàn thọ giới Cụ túc, Sư vâng giữ luật nghi.

Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương đang trấn tại Dương Châu, thường theo Sa-môn Trí Giả. Sư đến dừng tại Bang Câu, trụ chùa Thiền Chúng, làm Thủ tòa, thường ngày

tìm xét thuyết cầu, bồng chốc Sư theo Sa-môn Trí Giả đi theo hướng Đông trở về Thai nhạc. Về sau, Sư lại ra ở tinh xá Xứng Tâm, khai giảng kinh Pháp Hoa. Trời rải hoa như mưa, hình dáng như hoa sen, như tuyết rơi xuống, có mùi thơm rất lạ, vượt hơn Lãng Long Cơ (Huyền Lãng, Tăng Long, Khuy Cơ) lại hơn cả Vân Ấn Lưu (Pháp Vân, Tăng Ấn, Lưu?). Các đệ tử cao túc của Sa-môn Trí Giả ghi chép đầy đủ các Huyền văn, Chỉ quán, v.v... do Sư giảng nói. Phạm giáo tích của Thiên Thai được lưu hóa ở nhân gian, mà ở Tây Vực thỉnh cầu phiên dịch, ở Đông Hạ được lợi ích đều là do năng lực của Sư. (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện, Biệt truyện và Giảng pháp ký).

## ***2. Thích Tuệ Như chùa Chân Tịnh ở Kinh đô, thời Tiên Đường:***

Thích Tuệ Như, trụ chùa Chân Tịnh, siêng năng khổ hạnh ngồi thiền nhập định lấy làm việc thường.

Trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, ngoài những lúc ngồi thiền rảnh rỗi, Sư tu hạnh Pháp Hoa. Sau khi giảng hội đã tan, Sư bèn nhập định suốt bảy ngày đêm không lay động. Đại chúng đều kinh lạ. Qua bảy ngày, Sư mở mắt gào khóc, lệ đổ như mưa, đại chúng vô cùng quái lạ, hỏi lý do, Sư bảo: “Lửa thiêu đốt chân, đau khổ không chịu nổi”.

Liên bảo người xem chân thấy vết thương lửa đốt sâu thành huyết. Đại chúng lại hỏi Sư: “Vì sao bị vết thương như thế?”.

Sư đáp: “Có một vị minh quan đem đến một phong thư, tự xưng là Sứ giả của vua Diêm-la, liền mở thư đọc, lời trạng viết rằng: “Sư (tức chỉ Tuệ Như) có được giới châu thanh tịnh cao vời. Xà bỏ ba cấp tà thuyết của Thiên sư Tín, nương theo kinh Pháp Hoa, khai mở giảng nói làm thuyền bè vượt qua biển khổ, xin rủ lòng thương xót!”. Và bị vua Diêm-la thỉnh suốt bảy ngày giảng kinh Pháp Hoa, có vô số người tội gieo trồng nhân duyên với Phật pháp. Vua Diêm-la vô cùng vui mừng, đem ba mươi xấp lụa vàng dâng cúng cho tôi. Đến lúc giảng tan, vua Diêm-la hỏi: “Có muốn được thấy tiên vong tri thức chăng?” Tôi đáp: “Muốn được thấy cha mẹ?”. Vua Diêm-la liền sai gọi một người. Tôi chỉ thấy một con rùa đi đến đưa lưỡi liếm dưới chân tôi, trong ánh mắt rơi lệ mà bỏ đi. Có một người nói: “Bởi tội quá nặng không thể kêu gọi, nên bò đến gặp”. Sứ giả lại dẫn tôi đến cửa ngục, cửa ngục đóng kín rất chặt. Sứ giả gọi người giữ cửa, có một người đáp, bồng nhiên lánh sang một bên, chẳng đứng ngay cửa, tôi vừa mới nhích mình thì cửa liền mở. Có ngọn lửa lớn từ cửa hực ra như sắt nung, lửa liền bám vào chân

tôi. Tôi phải bỏ, đưa mắt nhìn vào cửa thì cửa đã đóng chặt, không thấy được nên đi. Tôi trở lại chỗ vua Diêm-la, nói rõ đầu đuôi sự việc. Vua Diêm-la bảo: “Địa ngục là như thế, nếu chẳng phải năng lực của kinh Pháp Hoa thì không thể cứu giúp. Nếu muốn cứu giúp, thì phải giảng tụng Diệu pháp”. Sự việc như thế, nay tôi thấy nghe, giác ngộ mà thôi!” Đại chúng đồng nghe mà buồn vui lẫn lộn. (Xuất xứ “Minh Chí ký”, trong “Minh Báo ký” tuy có nói về việc này, nhưng không nói là giảng kinh Pháp Hoa, phải biết đó là sự nghe khác nhau của người ghi lại).

### **3. Pháp sư Thích Tăng Long:**

Pháp sư Thích Tăng Long, không rõ người xứ nào. Trong niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Sư đi theo hướng Bắc mà đến Bắc Ấn-độ, muốn khuyến hóa, nên Sư bèn ở lại Trung Ấn-độ, tụng đọc được kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạm, Sư đến nước Kiền-đà-la, tự mở giảng, hội khắp bốn phía mây tự nhiên nhóm đến, cả muôn quận, sao cùng hưởng về. Sau Sư bị bệnh cảm mà chết, ba ngày sau sống lại bảo rằng: “Tôi bị vua Diêm-la hỏi: “Đạo nhân có công đức gì?”.

Tôi đáp: “Tôi tụng được kinh Pháp Hoa, tự khai mở giảng hội, khuyến hóa chúng sinh”.

Vua bảo: “Đọc tụng là chân thật, còn giảng nói là phù hư, tùy tình mà phân biệt, đâu có công đức cao quý”. Tôi đáp: “Đọc tụng chuyên tự giảng nói thì tuệ lợi vật là bốn hoài của các vị Bồ-tát, đâu phải phù hư không có công đức?”.

Vua Diêm-la hoan hỷ từ tòa mà xuống, quỳ thẳng nói: “Lành thay! Lành thay! Xin mời lên tòa giảng nói nghĩa ấy”. Tôi liền lên tòa, xuống lớn đề kinh và giảng nghĩa, các người tội trong sảnh nghe lọt tiếng tôi giảng vào tai, thì lìa khổ được vui, gông cùm tự cởi mở, hoặc sinh lên cõi trời người. Vua Diêm-la nói: “Thôi thôi! Mạng ông chưa hết, nên trở lại bốn thân”.

Tôi liền theo đường trở về, được sống lại. Nên biết pháp mầu là hạnh quan trọng của trời người, là đường thẳng đến Bồ-đề, chuyên tâm chuyên hành chớ nên lười biếng”. Mọi người nghe nói đều rơi lệ, càng sinh tâm ân trọng. Những người nghe thấy đều bỏ Tiểu theo Đại. Chư tăng ở phương Bắc đến truyền nói như thế. (Xuất xứ từ Cửu Pháp Tập Lục, và trong Đường Tăng truyện tuy có ghi sự duyên của Sư, mà việc ấy chẳng thấy nêu, nên nay y cứ theo Quảng Văn mà thôi).

### **4. Thích Khuy Cơ ở chùa Đại Từ Ân, thời Tiền Đường:**

Thích Đại Thừa Cơ, Sư học khắp giáo nghĩa Đại thừa, là đệ tử Thượng túc của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Trong ba ngàn môn đồ, bảy mươi vị Đạt nhân, bốn người thượng thủ (môn nhân đệ tử ngài Huyền Trang) thì Sư là người tài giỏi hơn cả. Mẹ Sư mộng thấy một người vòng tay cầm chuỗi ngọc như ý đến xin nương gá vào thai, nói xong bèn vào miệng, liền có thai. Lúc mới sinh ra Sư có vầng mây màu tím như lọng che phủ ở trên. Năm chín tuổi Sư xuất gia, năm mười bảy tuổi Sư giao thiệp với Truy Lâm, riêng kính thờ minh chiếu của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, làm môn nhân phiên dịch kinh điển. Phần nhiều đều do Sư ghi chép. Sư tự số giải kinh luận một trăm bản. Văn mới như hoa ngọc thạch truyền ở Đông Hạ, pháp tướng Đại thừa lại soi chiếu khắp pháp giới, thật là do công sức của Sư. Như trong đêm tối tăm, răng ngà tỏa phát ánh sáng. Sư số giải ra kinh luận. Giữa lúc giao du, bàn nói lần lượt mở rộng, các Đạo tục nhân những lúc rảnh khóa thỉnh mời Sư giảng kinh Pháp Hoa. Sư mới tự gom nhặt tâm văn, ban đêm soạn thuật, sáng sớm bàn giảng. Các điềm tướng đặc biệt thường ứng hiện. Có người mộng thấy trang nghiêm cõi Phật, khắp trong chư Phật đều đến nói ngài là Pháp sư, đó là lúc Sư soạn số giải phẩm Bảo Tháp. Giảng xong và soạn số hoàn tất, Sư làm một bài kệ rằng:

*“Đã xét lý yếu hạnh các kinh  
Lược tán nghĩa chân pháp Nhất thừa  
Nói làm hợp thật, ban chúng sinh  
Mong cùng chóng thành quả Vô Thượng”.*

Hoặc Hiền sĩ trong mộng thấy Sư dùng bài kệ này khen ngợi Nhất thừa đã đến ngàn Đức Phật diệt độ, vì nguyện sinh lên cõi trời Đâu-suất thờ phụng Đức Từ Thị (Trích từ Tân Lục).

### **5. Thích Huyền Lãng ở Tả Khê, thời Tiền Đường:**

Thích Huyền Lãng, tự là Tuệ Minh, Sư vốn họ Phó, người ở đất Bắc, nghe luận pháp Chỉ quán của Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên Thai, một Phật pháp ấy phát nguồn từ Tôn giả Long Thọ, khoảng giữa kế thừa ngài Hành Tư, tìm xét nguồn pháp, Sư trụ chùa Thanh Thái, là bậc cao tuổi của pháp môn, là mắt chân của chánh pháp, chuyên việc giảng nói Phật thừa. Mỗi lúc đến nơi giảng hội, mở bày văn cú im lặng mà than rằng: “Xét về nghĩa thú cao vội, khế hợp Phật thừa, tìm về văn thể có chẳng thứ lớp, Thánh ý thật khó lường, chỉ kính ngưỡng mà tin!”. Vì các thính chúng thường khuyên thỉnh Sư rằng: “Bậc Thượng căn để ngộ, hàng Trung hạ mất ý chỉ, mong rủ lòng che chở, mở ích lợi nhiều”, Sư

lại đôi ba phen tính lường, chuyên tâm nghĩ đến thầy mình, mong cầu được gia bị, bỗng mộng thấy thần tăng lấy tay chỉ, Sư liền kinh hoảng, khả biện vô ngại, giảng nói như nước chảy, hiển thông kỹ thuyết chẳng đều khởi hết. Thần tăng bảo: “Ông ở chỗ Đức Phật Không Vương đồng nghe pháp điển ấy, ngày nay tại núi Linh Thứu đồng làm thánh chúng. Vốn gieo trồng nhân xưa, giúp quạt thổi gió huyền, lại càng thêm bén nhọn, thuận tình đồ chúng ba căn đều lợi ích, thấm đượm rất nhiều”. Nhân điều cảm trong mộng, Sư mới bắt đầu tùy thuận căn cơ. Sư giảng kinh Pháp Hoa được cảm ứng như thế! (Tân Lục).

### **6. Thích Tuệ Minh, thời Tiên Đường:**

Thích Tuệ Minh, không rõ Sư là người xứ nào, họ là gì. Phong thái khuôn phép của Sư nhàn thoảng, thông minh học rộng, tỏ ngộ Phật thừa, lấy làm quy thú. Sư chuyên giảng kinh Pháp Hoa, thiên có riêng đoán, cùng tụng giải nói. Có một thời gian Sư vào trong núi sâu, ngồi trong động đá giảng kinh, có mấy đàn khỉ vượn đến nghe pháp, chim lạ, voi hổ đến nằm trước động, nghe pháp ăn trái cây, suốt ba tháng. Sau đó, giữa đêm ở phía trên động có ánh sáng chiếu soi dần gần đến hang, đó là người cõi trời đến tự nói rằng: “Tôi là kẻ già xấu lại mất mù ở trong đàn khỉ vượn, nhờ nghe Sư giảng nên khi qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi, thân cũ tôi chết nằm ở phía Đông nam, cách thất ngoài bảy mươi bước, được sinh lên cõi trời hưởng thọ an vui không dứt, nghĩ nhớ ân thầy nên đến nghe giảng, giảng hiện đến hang đá này, nguyện ưa muốn nghe giảng nói pháp mẫu”.

Sư hỏi: “Sắp phải giảng như thế nào?”, vị trời ấy nói: “Tôi vội vàng muốn trở lên cõi trời. Thầy nên chia một bộ kinh thành tám phần mà giảng”.

Sư bảo: “Kinh đang hành trì chỉ có bảy quyển sắp thành bảy tòa, làm sao giảng thành tám được?”.

Vị trời ấy nói: “Kinh Pháp Hoa là Đức Phật giảng nói tám năm. Nếu nay y theo tám năm để giảng thì quả thật là dài, nên thích khai lập tám tòa, y theo tám năm giảng nói, xứng hợp với ý chỉ của Phật”.

Sư chấp thuận, chia bảy quyển thành tám pho, vì trời mà khai giảng tám lần. Khi giảng xong, trời rất vui mừng, dùng tám hạt ngọc quý cúng dường Sư và nói bài kệ rằng:

*“Thích Tôn diệt độ đã lâu xa  
Giáo pháp truyền bá, bị khó khăn  
Tuy gặp hiểu nghĩa cũng là khó*

*Tuy hiểu, mà giảng lại khó hơn,  
 Nếu nghe một câu kệ pháp ấy  
 Chỉ trong chốc lát không nghi báng  
 Nghiệp chướng ba đời đều tiêu sạch  
 Tự nhiên thành Phật, đạo không nghi”.*

Và lại nói: “Nay tôi theo nghe giảng, xả bỏ thân sức sanh được sinh lên cõi trời thứ hai trong cõi Dục, oai quang vượt hơn các vị sinh lên cõi trời trước kia, lợi ích tốt đẹp thật khó nghĩ bàn, không thể nói hết!”. Vị trời ấy nói bài kệ và lời ấy xong, bèn trở về cõi trời. Sư ghi lại việc ấy vào động đá, rồi không biết Sư đến ở xứ nào. Động đá và lời ghi ký ấy đến nay hiện vẫn còn. (Tôn Lục).

### **7. Thích Trí Nhân ở thời Tiền Đường:**

Thích Trí Nhân, họ Giả, người ở xứ Lô Phiển, thuộc Nhạn môn, là con cháu đời thứ năm trong dòng họ của Viễn Công, gia đình bị họa yếu từ bởi tâm bệnh, Sư được ngoại nuôi dưỡng. Đến năm mười tuổi, Sư xuất gia, thân tánh thông minh, thiên cơ đỉnh ngộ, Sư theo thầy hỏi Đạo, thọ kinh Pháp Hoa, tinh thông nghĩa sâu. Sư giảng kinh đến một trăm năm mươi biến, chim bồ câu vào phòng mà nghe giảng, heo nai đến gần bên cạnh mà chẳng đi. Mới đầu Sư đều giảng một bộ, Sư mộng thấy một vị tăng Ấn-độ bảo rằng: “Ông giảng hay khéo!”. Vị tăng ấy cho Sư giảng quyển riêng, do đó Sư bèn giảng quyển riêng, lại mộng thấy vị tăng ấy bảo: “Giảng quyển riêng rất xứng đáng, trước phải soạn nghĩa sớ”. Do đó, Sư bèn soạn nghĩa sớ, liền phát nguyện rằng: “Tôi giảng nghĩa sớ nếu không trái với ý Phật, xin đốt sớ để làm ứng nghiệm”, bèn gom củi đốt, bỏ sớ vào lửa, bỗng có mưa nhỏ, lửa tắt mất mà sớ không bị cháy. Mọi người thấy nghe đều khen là kỳ lạ. Người đến nghe Sư giảng đông không kể xiết.

### **8. Thích Chí Thật thời Tiền Đường:**

Thích Chí Thật, họ Vệ, người ở xứ Phù Liễu thuộc Thường Sơn, là cháu của Sa-môn Đạo An. Năm bảy tuổi, Sư đọc sách, xem lại đã thuộc lòng, không cần đến lần thứ ba. Sư đi khắp các danh sơn hỏi Đạo. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia, học nghiệp thanh cao, nhằm chán việc đời vô thường, bèn lánh chúng vào ở trong núi đầm, lấy cỏ dựng am, giảng kinh Pháp Hoa, trời rải hoa đẹp như mưa, Sư kinh hãi cho là ma biến hiện, bèn nghỉ giảng, trở về nhập chúng, mộng cảm vị thần Dạ-xoa kính pháp đến nói rằng: “Ông chớ nên biếng lười phế bỏ, đó là trời rải

hoa. Công đức trên hết trong các thứ công đức, không gì hơn khuyên người nghe pháp. Đức Phật khen năm mươi pháp tùy hỷ, đầu ở nơi Đạo biếng lười”. Sư cố gắng giảng kinh đến trăm biển. Ở nơi huyện gần đó có một vị Ấn sĩ tên Lâm đang lúc nằm ngủ bỗng thấy quan lính đội khăn màu đỏ rượt đuổi. Lâm bèn chạy vào trong giảng đường của Sư để trốn. Quân lính vội đuổi ra ngoài cửa giảng đường, gọi Lâm bảo rằng: “Người đã vào nơi giảng hội, ta thả người đó!”. Lâm thức giấc, buồn vui lẫn lộn, nên đến chỗ Sư, kể lại đầy đủ việc đó, mọi người đều khâm phục Sư. (Tân Lục).

### **9. Thích Đạo Ngang ở chùa núi Hàn Lăng ở Tượng Châu:**

Thích Đạo Ngang, giảng kinh Pháp Hoa ở Tượng Châu, thấy các thứ âm nhạc từ giữa hư không bảo rằng: “Đây là trời Đâu-suất cùng đến đón rước!”. Sư bảo rằng: “Cõi trời là gốc sinh tử, từ trước đến nay chẳng mong sinh về đó, chỉ nhớ nghĩ Tây phương thôi!”. Nói xong, Sư liền thấy ở phương Tây có các thứ kỹ nhạc xoay chuyển đến đón rước Sư nói: “Tin đến không được ở lâu”. Nói xong lò hương lạ rơi vào tay, Sư bèn ở trên tòa cao, ngồi thẳng mà ngài thị tịch.

### **10. Thích Chí Viễn ở Giang Nam:**

Thích Chí Viễn họ Tống, người ở xứ Giang Nam, sớm phải chịu tang cha, một mình Sư nuôi dưỡng mẹ, luôn làm vừa lòng mẹ, sớm tối không trái. Sư có được thiên tánh thông minh, dĩnh ngộ kinh Pháp Hoa. Năm mười tám tuổi, Sư thưa mẹ xin xuất gia, theo thầy thọ học, kính lễ thờ thầy, khổ nhọc không trái. Sư chuyên hạnh nghiệp giảng kinh Pháp Hoa, giải thích giáo nghĩa viên đốn của Thiên Thai. Sư phát nguyện rằng: “Nếu sự giải thích của tôi không trái ý Phật thì xin cho trời đất có cảm động”. Sư nói dứt lời trời liền rải hoa như mưa, đất rung chuyển như sấm sét. Sư siêng năng tinh tấn suốt hai mươi năm, chăm chăm chẳng phớt bỏ giảng hội. Đến lúc qua đời, Sư bảo đệ tử rằng: “Có hai mươi lăm vị Thánh đến đón rước vãng sinh về Tịnh độ!”

## **VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 1).**

1. Thích Tuệ Tư ở Hành Sơn, Nam nhạc, đời Tùy.
2. Quốc sư Thích Đại Thiện ở Nam Nhạc, đời Trần.
3. Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy
4. Thích Trí Thông chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.
5. Thích Trí Hy chùa Quốc Thanh ở tại Đài Châu, thời Tiền



Đường.

6. Thích Trí Tảo chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền

Đường.

7. Thích Pháp Hỷ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền

Đường.

8. Thích Tuệ Thành ở Giang Lăng, Kinh đô, đời Trần.

9. Thích Tuệ Dũng ở Vân Phong thuộc Nam Nhạc, thời Tiền

Đường.

10. Quốc Sư Thích Tuệ trụ ở Nam Nhạc, đời Tùy.

11. Thích Duyên Quang ở nước Tân-la, đời Tùy.

12. Thích Thiện Nghĩa chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam, đời

Đường

13. Thích Hoằng Cảnh chùa Ngọc Tuyền ở Phú Dương, đời Tiền

Đường.

### ***1. Thích Tuệ Tư ở Hành Sơn, Nam nhạc, đời Trần:***

Thích Tuệ Tư, họ Lý, người ở xứ Võ Tân thuộc Hạnh Thành. Thuở nhỏ, nhân mộng thấy có một vị tăng Ấn-độ khuyên Sư vào Phật Đạo, lại mộng thấy có vài vị tăng dạy răn trai giới, nên mỗi ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Bấy giờ, thấy trong bè bạn tụng kinh Pháp Hoa, trong tâm tình Sư rất thích, vì từ trước chưa hề tụng đọc. Một hôm, Sư theo người bạn ấy mượn kinh và ra ngoài gò mả trống, tự đọc, không có người dạy trao, Sư buồn khóc ngày đêm. Lại nữa, gò mả chẳng phải là chỗ của người ở, nên Sư lo sợ chẳng chỉ một vài việc, bèn dời đến nương nấu ở cổ thành, đục hang mà ở, ban ngày đi khát thực, tối đến chẳng nằm ngủ, nhìn kinh mà rơi lệ, đành lẽ không ngưng nghỉ. Mùa Hạ năm đó mưa nhiều, đất hang thấm hơi nước, khắp thân thể Sư sưng bầm, đi đứng không được, mà tâm đối trước kinh sức lực càng mạnh mẽ, bỗng cảm thấy tiêu diệt tất cả, thân trở lại bình phục như cũ. Sư mộng thấy Đại Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà đến xoa đánh đầu rồi đi. Với một bộ kinh Pháp Hoa, Sư chưa từng nhận biết văn từ, tự nhiên hiểu suốt. Ngay chỗ được xoa tự nhiên nổi lên như nhục kế. Suốt trong mười năm, Sư tụng kinh Pháp Hoa, lời tiếng không ngưng nghỉ, lại tỏ ngộ pháp môn Đại Thừa Tam-muội Pháp Hoa. Thấu tỏ mọi cảnh giới, địa vị thành đạt đến sáu căn thanh tịnh. (Xuất xứ trong truyện).

### ***2. Quốc sư Thích Đại Thiện ở Nam Nhạc, đời Trần:***

Thích Đại Thiện là môn nhân của Thiền sư Tuệ Tư, Sư trụ chùa



Bát-nhã ở Nam Nhạc, chuyên tụng kinh Pháp Hoa, cứ ba ngày xong một bộ, kiêm tu sám pháp Phổ Hiền, bảy ngày hoa rơi, Sư lại nhập Tam-muội Từ Bi, khiến bấy nài trong cả nước đều đến thân gần.

### **3. Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy:**

Thích Trí Việt, họ Trịnh, người ở xứ Nam Dương. Thuở thiếu thời, Sư có chí khí muốn xa lìa trần tục, người cha cầu hôn cho Sư, bèn tìm phương tiện dứt bỏ. Đến lúc trưởng thành thì Sư khôi ngô, khỏe mạnh, thẳng thắn. Bấy giờ, Lạc Dương Điện hạ đang thống ngự tại Kinh châu, muốn cất nhắc Sư lên chức vị cao nhất, nhưng đó chẳng phải điều ước muốn của Sư, tâm tình Sư chỉ muốn được xuất gia. Vua cảm mến sự thành khẩn ấy, do đó Sư được toại tâm nguyện xưa.

Khi đã xuống tóc, Sư đi khắp nơi hỏi đạo, bèn đến Kim Lăng, liền gặp Sa-môn Trí Giả, nên liền đánh lễ xin thọ học. Ngài Trí Giả trao cho thiền pháp, Sư bèn thấu đạt vào năm môn, thông cùng sáu Diệu, giới hạnh trong sạch, luật nghi thuần túy Sư lại thỉnh tụng kinh Pháp Hoa có hơn ngàn biến, bình nước tự đầy, đó là do năng lực của kinh. Học chúng của ngài Trí Giả tuy đông đảo, mà Sư rất xứng đáng được đứng đầu. Ở Lâm Hải có tinh xá Phú Sơn, do một vị Tăng Ấn-độ xây dựng có rất nhiều việc linh dị, ngài Trí Giả có đến đó, nên bảo Sư hãy làm ảnh hưởng đến xứ đó. Sau khi ngài Trí Giả thị tịch, cả một chúng ở núi Thiên thai đều giao phó cho Sư. Suốt thời gian hai mươi năm Sư ngài chăm chăm khéo dẫn dắt, không trái với lời phó chúc, làm nơi nương tựa của hai chúng, làm chỗ quy hướng của bốn bộ. Thân tướng Sư cao lớn, đức hạnh cảm đến vật tình, rất có nơi cấp dẫn. Thường năm đến ngày húy nhật Sa-môn Trí Giả, vua Vạn đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, ban sắc thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng quan. Ngài đem các thứ y bát còn lại sung cúng vào Đại thí. Ngày Hiến hậu qua đời, vua Văn đế thiết trai cúng dường cầu nguyện, mỗi lần như thế có được trăm vật, Sư chẳng hề lưu giữ một vật gì. Thứ Sử Hoạt Châu là Trịnh Từ Bách, Trấn tướng là Dương Hải Dương Thần Quý vốn là thầy bạn nghĩa nặng, đãi ngộ chẳng xem thường đối với Sư.

Đến ngày 23 tháng 11 niên hiệu Đại Nghiệp thứ 12 (616) đời Tùy, Sư bị bệnh, suốt ngày mười ngày, Sư nằm nghiêng phía bên phải, thị tịch tại phòng cũ chùa Quốc Thanh, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi. Lúc Sư sắp tịch, núi đổ đất động, các hàng tăng tục khắp trong khu vực đều nghe thấy. Về môn nhân của ngài Trí Giả rất đông, ở đây chỉ nêu vài ba vị như vậy. (Xuất xứ từ tục Cao Tăng Truyện quyển 17).

Tôi riêng nghĩ Sư là người được thầy trao truyền sau cùng, do đó các bản xưa có lắm nhiều lầm, ghi chép truyện người khác, nên nay tôi cắt bỏ phần đó, phụ vào cạnh bản truyện để chỉ bày cho người đời sau.

Trong Thống Kỷ quyển 9 chép: “Sa-môn Pháp Ngạn vốn họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Niên hiệu Thái Kiến năm thứ bảy (575) đời Trần, theo hầu Đại sư Trí giả ở núi Thiên Thai và được trao truyền yếu chỉ Thiền-na, Sư chuyên tĩnh lặng an tọa giữa núi rừng, không ở trong phòng nhà, thường nhập định suốt bảy ngày mới xả. Đại sư Trí Giả dự chứng cho rằng: “Như điều ông nói thật là tướng Quán thứ hai trong quán Bối xả”. Thân núi có mấy lần đến khuấy nhiễu để thử, mà Sư vẫn điềm nhiên không lay động, chuyên tu thiền pháp hơn ba mươi năm thường ngồi chẳng nằm. Đến cuối tháng 2 niên hiệu Đại Nghiệp thứ 7 (611) đời Tùy, Sư ngồi kiết già mà thị tịch tại chùa Quốc Thanh”.

#### **4. Thích Trí Thông chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy:**

Thích Trí Thông, họ Trình, người ở xứ Y Thị thuộc Hà Đông. Vừa mới sinh mà Sư đã biết kính tin, vui sùng Phật đạo, tuổi vừa đi học, Sư bèn muốn xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ bèn chấp thuận. Năm mười tuổi, Sư theo thầy xuống tóc tu trì giới hạnh, ca vịnh lời pháp, tụng thông kinh Pháp Hoa, ngày đêm không ngưng nghỉ, ngài tụng yếu kệ tán Phật trong các kinh có hơn ba ngàn chương. Suốt năm mười năm, Sư không hề nói lời một nhọc. Đến ngày 24 tháng 10 niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Sư bị bệnh và thị tịch tại chùa núi, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi.

Mới đầu, trước lúc chưa thị tịch vài ngày, Sư không được khỏe. Vị Duy-na hô chuông mà dùi cầm tự gãy, mọi người cùng bàn tán cho sư không qua khỏi bệnh. Sư nghe thế, bèn bảo thị giả xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà và kinh Pháp Hoa, Sư xoay tâm nhiếp niệm, nguyện sinh về Tịnh độ Tây phương. Đến chiều Sư mới mở mắt, nhìn thẳng giây lâu chẳng động, tướng trạng như có thấy điều gì, vị Thị giả đứng bên cạnh đốt thêm hương, vẫn đứng lặng lẽ, một lát mới thôi. Sư bèn búng ngón tay bảo rằng: “Không thể nghĩ bàn!”. Có người hỏi lý do, Sư bảo: “Thấy cờ báu lộng hoa, tháp miếu trang nghiêm”. Đầu hôm, Sư lại xoay đầu nhìn bảo rằng: “Mới thấy ngọc sáng, bây giờ ở đâu?”. Lại hỏi: “Có việc gì đốt đèn sáng rực thế?”. Đại chúng bèn che đèn cho tối. Chỉ phút chốc Sư lại bảo: “Lửa sáng vì sao càng lớn mạnh vậy?”. Vì trong phòng Sư lúc ấy mờ tối, mọi người bèn chấp tay, đến lúc sáng sớm, Sư bảo: “Tôi sinh về Tịnh độ!” thế rồi Sư dứt hơi thị tịch. Núi đất lay động, cửa song

vạch xé, đàn chim trĩ kinh sợ kêu vang, chẳng phải tiếng thường nghe. Trong chùa có Sa-môn Đạo Tuệ, chưa sáng đang ngủ, đến lúc tỉnh giấc ra tựa vào lan can nhìn xuống, bảo rằng: “Nếu Thiền sư (tức Trí Thông) thị tịch chắc chắn là sinh về Tịnh độ. Vì sao biết? Vì trong lúc đang ngủ thấy trên đỉnh núi phía Tây đều là lầu các điện đường nường giữa hư không mà đi”. Nói xong, mới biết là Sư đã thị tịch.

Lại nữa, Cái Mẫu họ Vương, từ lâu dốc tín thuần kính Tam Bảo, đọc tụng các kinh, lễ sám phát tâm, lấy việc vãng sinh làm chánh. Đến tháng 02 niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường, đến lúc sắp xả bỏ báo mạng lại càng siêng năng chí kính, thấy hoa sen màu xanh đầy khắp vườn nhà. Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng một lúc đồng đến. Cái cùng với người cháu là Tiết Đại Hưng cùng gần gũi nghe kể lại, mà Tiết Đại Hưng thấy có Đức Phật thân hình rất cao lớn và Bồ-tát lâu sau mới biến mất. Đó đều là những việc gần đây, nên truyền thật lục. (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện quyển 18).

### **5. Thích Trí Hy chùa Quốc Thanh ở Thai Châu, thời Tiền Đường:**

Thích Trí Hy, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên, gia đình Sư đời trước do làm quan nên đến ngụ tại Mân Việt. Từ thuở nhỏ Sư đã khác hẳn đồng bạn, tuổi trẻ mà nghĩ vượt ngoài mọi vật. Thấy mọi sự già bệnh chết, mà Sư thấu hiểu được cuộc đời nổi trôi nguy ách, tự xét sự hôn trầm, xót thương bao kẻ chìm đắm, lại càng nhàm lìa như bị kẻ thù rượt đuổi.

Sư phát thệ nguyện muốn vượt thoát trần lao, tìm khắp các thắng cảnh, cúi nghe Đại sư Trí Giả trình bày chí khí nơi núi Thiên Thai, an tọa thiền pháp tại chùa Phật Lũng, sách tấn dạy răn kẻ lầm đường mê, vì đời mà làm bến bờ dẫn dắt, tâm thành Sư vội kính ngưỡng, bốn ba vượt xa ngàn dặm. Đến năm hai mươi tuổi, Sư mới được toại nguyện. Vừa một lần được gặp liền định vị Thầy trò. Khi luật nghi đã đầy đủ, Sư lại bảm thọ thiền quyết tu thêm tịch định. Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa như cứu lửa đang cháy trên đầu. Tâm ngựa hơi điều thuần, tan động bớt lo toan. Sư vãng mạng di chỉ thường ở nơi Đạo tràng tu thiền chùa Phật Lũng. Những người ưa thích pháp tam-muội đều cùng quy ngưỡng. Nhưng lúc rảnh rỗi việc thiền tọa, Sư lại chỉ huy xây dựng Già-lam, điện đường, phòng nhà đều trang nghiêm. Chỉ còn lại kinh đài chưa xây dựng, Sư muốn nhóm công thợ để làm, có ngọn núi Hương Lô, núi hang hiểm trở, rừng cây đẹp lạ, nhưng vị Thần ở đó rất linh nghiệm, từ

xưa đến nay, không ai dám nhìn ngọn và sườn núi ấy, huống chi giẫm đạp lên mà tìm chặt. Bấy giờ, Đại chúng bàn với nhau rằng: “Ngày nay đã vì tạo dựng kinh Đài cúng dường Pháp Bảo, chỉ chuộng lấy tinh hoa, đâu thể làm cho xong mà thôi, trên đỉnh núi Hương Lô có loại gỗ sinh bách, là thứ gỗ tốt trong các loại gỗ, hãy lấy đó để sung vào cúng dường”. Luận bàn xong, thưa hỏi y kiến Sư, trình bày cụ thể sự việc như trên. Ngưng giây lát, Sư đáp rằng: “Thần nuôi tiếc giữ gìn, chúng ta không nên vội vàng”. Trong chúng không ai dám nói lại lời nào, mới tự trở về lại chỗ riêng mình. Đêm đó, Sư mộng thấy có người đưa sớ đến nói rằng: “Với cây sinh bách trên đỉnh núi Hương Lô, đều xin xả thí cung cấp vào việc xây dựng kinh đài”. Đã cảm thâm chỉ bày, Sư liền dẫn lượt chuẩn bị mọi thứ vật thực công cụ, phân bổ người thợ vào núi để chọn tìm chặt. Vị thị giả hỏi rằng: “Hôm qua không chấp thuận, vì sao nay đi chặt lấy như vậy?”. Sư đáp: “Hôm qua là do người khác, hôm nay là do ta, chỉ lấy không nhọc khổ, ắt chẳng sai lầm”. Mọi người theo lời Sư đến tìm chặt cây gỗ không gặp phải trở ngại.

Xưa, Tiên sư Trí giả có dạy rằng: “Khuyên hóa muôn dân từ bến bãi núi Thiên Thai cho đến tận bờ biển, những nơi nào có sông rạch, khe suối đều xả thí làm ao hồ phóng sinh, chấm dứt hẳn việc vớt bắt”. Đến đời Tùy cũng như thế, mọi sự đều qua sắc ban. Khi nhà Tùy đã mất, các hàng hậu sinh trong trăm họ có lắm kẻ làm ác, đem nhau đặt đặng đó, vớt bắt khắp cùng các sông suối, nên loài thủy tộc bị yếu tử thương vong không nơi mách cáo, mới cùng đánh lễ Sư, đến chỗ khám thờ Tiên sư Trí Giả đốt hương chú nguyện. Đang có một người đánh cá thấy một vị tăng đứng trên Đặng, trong ý cho là ắt sẽ bị rơi xuống nước, nên đem thuyền đến muốn cứu, vừa đến nơi thì không thấy nữa. Do đó mà ở các Đặng đó đều không bắt được cá, mọi người lần lượt mách bảo nên cùng nhau bỏ ác làm lành, dứt được việc vớt bắt chài lưới.

Bấy giờ, Sư có vị đệ tử là Sa-môn Đạo Tuyên đang ở tại phòng tụng kinh Pháp Hoa, tự nhiên Sư đến gọi, bảo rằng: “Chiều nay sẽ có khách tăng đến”. Nói xong, bèn nhìn xuống dưới cửa, bỗng thấy một vị tăng thuần mặc áp nạp, ôm bình bát, cầm tích trượng, hình tướng thần thái rất sáng sủa, dáng vẻ khác người thường, từ ngoài đi đến, cùng đi qua hơn hai mươi bước mới vào nhà phía Đông, bèn biến mất. Bỗng chốc liền nghe ở núi phía Đông có tiếng chuông Đồng ngân vang rung chuyển cả hang núi. Sư bèn nói: Ôi! Tôi...!”. Chưa đầy vài ngày sau, Sư bảo các đệ tử rằng: “Mạng sống của tôi không còn bao lâu nữa, hãy cho nước ấm mùi thơm để tắm gội”. Sư nói xong, từ trong núi các loài chim

thú hình sắc khác lạ chưa hề trông thấy đua nhau cùng nhóm tụ bên cạnh phòng Sư, trải dài dưới đất, bay nhảy trên hư không, buồn kêu ai oán, qua ngày hôm sau mới bay đi hết. Đến tối 17 tháng 12, Sư kiết già ngồi thẳng, cầm râu chuốt như ý mà giảng pháp, từ lý sâu xa. Lúc giảng xong, Sư bảo đệ tử rằng: “Tôi cùng các ông may mắn được gặp, nay đây phải vĩnh biệt, không hẹn gặp lại!”. Nói xong, Sư im lặng không có tiếng động gì, giây lâu. Các đệ tử gào khóc, Sư lại mở mắt bảo rằng: “Con người có sinh phải có tử, muôn vật có đều phải có cuối, tướng thế gian là như thế, đâu có gì đáng buồn khóc! Nay ra đi, các ông chớ làm náo loạn đến tôi”. Sư lại bảo rằng: “Từ lúc tôi tu thiền tụng kinh cho đến nay là đã bốn mươi chín năm, lưng chẳng dính chiếu. Tôi chẳng trái phụ tín thí, không mắc nợ hương hỏa. Các ông muốn được gặp lại tôi, mỗi người nên siêng năng sách tấn hành Đạo, để có đủ năng lực, không trái phụ người!”, các đệ tử do đó hỏi Sư rằng: “Chẳng hay Hòa-thượng sẽ sinh về đâu?”. Sư đáp: Như chỗ tôi mộng thấy thì quả báo sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất, nơi cung điện màu xanh, ở phía Tây bắc của cõi trời, thấy Đại sư Trí Giả, chung quanh có các hàng người, trời đều ngồi trên tòa báu, chỉ riêng có một tòa để trống chưa có người, tôi hỏi lý do thì được trả lời là Sa-môn Quán Đảnh sẽ lên tòa đó để giảng pháp.

Đến sáng sớm ngày mười tám, Sư bảo các đệ tử rằng: “Các ông phải sớm lo thiết trai, mạng sống của tôi chỉ trong chốc lát”. Ngày đó, có người trong thôn lên núi thăm bệnh Sư, dùng bữa xong xin từ giã trở về, Sư bảo; Đã khổ nhọc từ xa đến, nên dừng lại trong thời gian ngắn, đợi bữa đạo đi trước đã!”. Người ấy không hiểu ý, cố từ chối chẳng dừng ở. Đang lúc đó, bầu trời trong sáng không chút mây che mờ, Sư bảo với người đến thăm bệnh ấy rằng: “Đã không dừng ở lại thì nên mau đi đi, vì mưa sẽ ngập đường”. Người ấy vừa đi chỉ chốc lát, bỗng nhiên mưa đổ như trút. Sư hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó vào giờ ngọ ngày 18 tháng 12 niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất (627) thời Tiên Đường, Sư ngồi kiết già, thẳng thẳng nghiêm nhiên, hơi khí ngưng dứt, mọi người dùng bông tơ để thử thì như Sư đang nhập định, do đó mà chẳng trở lại. Bảy giờ giữa hư không có tiếng đàn sáo, cả đại chúng đều được nghe giây lâu mới dứt. Để qua mấy ngày mới đưa nhục thân Sư vào trong khám đá, nhan sắc vẫn tươi tắn, tay chân mềm mại, chẳng khác lúc còn sống. Nơi tôn trí phần khám của Sư ở trước khám của Tiên sư Trí Giả cách hơn hai trăm bước.

**6. Thích Trí Tảo chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường:**

Thích Trí Tảo, họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Vào đời Tấn, gia đình Sư dời đến ngụ ở Lâm Hải. Ông nội Sư tên là Nguyên Tú, làm thương bộ thị lang đời Lương, rồi tiếp nhận Lâm Hải nội sử, cha Sư tên là Văn Hoài làm Trung bình tướng quân đời Trần.

Năm Sư thọ học kinh Pháp Hoa, miệng không nói lời luống dối, mọi việc làm không hổ thẹn với người. Bà con thân thuộc xóm làng gần gũi đều kính mến. Năm Sư mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời, chịu tang buồn vừa mãn, Sư bị bệnh, kéo dài nhiều năm tháng, thầy thuốc hết phương cứu chữa. Nhân trong đêm vắng, Sư nường gậy nhọc nhằn kéo thân bệnh ra đến giữa sân, ngược mặt nhìn ánh trăng mà nằm, dốc lòng chuyên niệm Bồ-tát Nguyệt Quang, cúi mong đại bi cứu giúp nỗi khổ bệnh trầm kha của con. Sư buộc niệm như thế trải qua tuần đầu. Vào nửa đêm, mộng thấy một người hình sắc khác thường từ hướng Đông đi đến bảo Sư rằng: “Ta đến đây chữa bệnh cho Sư”, liền đưa miệng kề vào thân Sư, lần lượt hút nhốt. Suốt ba đêm liền như thế, nhờ vậy mà bệnh được lành, Sư biết Tam bảo thật là nơi đáng để mình nương tựa hầu cứu khổ, bèn muốn lìa tục, đến chùa An Tĩnh xin làm đệ tử Pháp sư Tuệ Bằng.

Nghe Đại sư Trí Giả là bậc Đạo hạnh, pháp tắc vượt hẳn mọi người, vì đời mà dẫn dắt tốt đẹp, Sư bèn nường thuyền bông bênh thẳng đến núi Thiên Thai, phủ phục cầu xin thọ học. Ngài Trí Giả bảo Sư sám hối theo Pháp Hoa sám pháp và tụng kinh. Đến tuần thứ hai, vừa mới đêm đầu tiên lễ sám xong, Sư trở về lại ghé ngõ thiền, như muốn an tọa, bỗng thấy có chín con rồng từ đất vọt ra vượt thẳng lên hư không. Sáng sớm, Sư đem việc ấy thưa hỏi. Ngài Trí Giả bảo rằng: “Đó là biểu tượng của chúng sinh trong chín đường nghe kinh Pháp Hoa ở đời tương lai sẽ phá trừ vô minh trú địa, vào pháp tánh không”.

Lại nữa, niên hiệu Chí Đức thứ 4 (586) đời Trần, Vĩnh Dương Vương Bá Trí trông coi ở Tiên đô, thỉnh ngài Trí Giả đến chỗ đang trấn nhậm, Sư theo thầy đến núi Cối Kê thọ thỉnh. Sau chín tuần xong Pháp sự, Sư bèn từ biệt Vương Bá Trí đến ở chùa núi Bảo Lâm, hành trì Tam-muội Pháp Hoa. Đầu tiên là ngày thứ nhất, như có người đến lay động cánh cửa. Sư hỏi: “Người là ai mà nửa đêm đến đây lay cửa như thế?”. Liền có tiếng đáp lớn rằng: “Ta đến trông đèn”. Ba phen hỏi đáp như thế. Trong chùa đó vốn trước có Đại đức Thiên sư Tuệ Thành, ban đêm nghe rõ việc đó, bảo Sư đệ tử rằng: “Ồ trong ngôi chùa đó từ trước đến



giờ có con Đại ác quỷ, nay nghe tiếng ấy, chắc là Quỷ đến lấy mạng người!”. Đến lúc trời gần sáng, Thiền sư Tuệ Thành gõ cửa gọi. Sư chưa kịp trả lời, thì Thiền sư Tuệ Thành đi nhiều quanh ngôi nhà đó xướng rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Người ấy chết rồi...!”. Sư liền mở cửa hỏi: đáp rằng: Sư vẫn còn sống, tôi nghĩ rằng đêm qua quỷ đã hại mạng ông, cho nên than như thế. Thiền sư Tuệ Thành đem việc ấy nói với Vương Bá Trí, Vương Bá Trí bèn sai vài mươi người cầm gậy đến phòng hộ. Sư bảo các người đến phòng hộ rằng: “Mạng là do nghiệp, đâu phải do sự phòng hộ mà thêm được ư? Xin các nhân giả hãy cùng nhau trở lại thành báo với Vương Bá Trí như thế!”. Khi các người đến phòng hộ đã đi, vào đêm thứ hai, quỷ vào thẳng trong phòng, vác chày vò đập tường vách, đánh cột nhà khắp cùng Đông Tây. Trong phòng có sáu ngọn đèn, Sư tắt hết năm ngọn chỉ để lại một ngọn mà hành Đạo, ngồi thiền, tụng kinh, thản nhiên không khiếp sợ. Đến tuần thất thứ ba, mọi việc thường như thế. Sư hành pháp sắp mãn, thấy một đồng tử mặc áo xanh đến khen rằng “Lành thay!”. Nói xong liền biến mất. Tuy gặp hai việc như thế mà tâm Sư không lo sợ hay mừng vui.

Lại nhân có duyên sự, Sư phải đến Cối Kê, trên đường từ Huyện Diêm, Sư vào thôn Hiếu Hạnh khát thực, người chủ làm nấu nắm độc cúng dường, Sư dùng bữa xong, theo đường đi thẳng tới. Sau đó, người chủ dùng thức ăn còn lại, tất cả đều bị khốn khổ kiết lỵ sắp chết. Có người ở gần đó thấy như thế, liền mang thuốc tìm đuổi theo Sư, đi hơn mười dặm mới kịp, thấy Sư vẫn khoan thai bước đi không việc gì. Sư hỏi: “Có việc gì mà tìm tôi?”. Người ấy trình bày đầy đủ việc trên, Sư cười, bảo: “Bần đạo không sao, hãy vất bỏ thuốc đi mà trở về, khỏi cần phải đuổi tìm”. Lấy đó mà nghiệm biết do Đạo lực huân tu nên độc không thể làm thương tổn.

Sư trở về núi, vì Đại sư Trí Giả, thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng, độ bốn mươi chín người xuất gia, cúng thí vào chùa hai ngàn đoạn vật, ba ngàn thạch gạo và hương, dầu bơ, v.v... Lại xây dựng tường đất chung quanh bốn phía vườn chùa. Lại vì Đại sư Trí Giả thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng, độ một trăm người xuất gia, cúng thí vào chùa một ngàn đoạn vật, cúng dường trai tăng mỗi vị một xấp lụa quyên. Đến năm thứ bảy, Sư lại sang quận Trác, tham nhọc tạ từ xa lại, cúng thí chùa năm trăm đoạn vật, sai năm mươi người cầm gậy phòng hộ đưa về lại chùa. Sư đã qua lại tám lần tham kiến Thiên tử vua đều được vui mừng, cung cấp rất nồng hậu.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai (638) thời Tiền



Đường, Sư thị tịch tại chùa, hưởng thọ thọ tuổi tám mươi ba tuổi.

**7. Thích Pháp Hỷ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường:**

Thích Pháp Hỷ, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Năm lên bảy tuổi, Sư xuất gia, thơ Thiền sư Hạo làm thầy. Thiền sư Hạo là bậc Đạo tố ôn hòa thuần thiện rất nổi tiếng. Cùng đồng bạn sau đến ở chùa Thiền Định, ngay đêm trước lúc thị tịch, vách tường của căn phòng tự nhiên bị sụp đổ ra ngoài, Thiền sư Hạo bảo: “Y Báo đã trái, tôi sắp chấm dứt cuộc đời!”. Liền đó ngồi thẳng nhắm mắt, như có sở duyên, bèn im lặng mà thị tịch, mới đầu ai hay biết.

Vì Sư (Pháp Hỷ) rất có cung cách, theo hầu trải qua nhiều năm, còn Thiền sư Hạo chuyên tu định nghiệp, không hề dạy răn, chỉ xem lượng mà biết người, xét có đạt của Sư sự việc có vượt tu tập ở trước, chẳng sửa đổi mà tự thành, cung kính cảnh hạnh, chỉ đức là giúp. Tại chùa núi Thanh Khê ở Kinh Châu, chư tăng có bốn mươi vị, chỉ riêng mình ngài là Sa-di nên phải lo mọi việc hầu hạ, ban ngày thì nấu thối củi đun, ban đêm thì tụng tập kinh điển, ở núi không có đuốc, phải đốt củi để lấy ánh sáng. Mỗi đêm tự theo thời khóa phải tụng thuộc một trang kinh. Cứ như thế trải qua thời gian lâu dài nên sở duyên thông lợi, tuy học các kinh bộ loại, mà Sư riêng lấy kinh Pháp Hoa làm chánh, thường nhân giữa khoảng thời gian ăn ngủ, Sư tụng gồm một quyển, ngoài ra thì chuyên lấy Thiền nghiệp buộc niệm ở trước, vừa mới có tâm hôn trầm, thì liền trở lại ôn cũ.

Khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, vua Văn đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời Sư vào kinh đô trụ chùa Thiền định. Lễ cúng rất lớn, mà Sư hành tiết kiệm làm đầu, tiếp dẫn võ về đồng thường, khiêm hư thành đức, bèn cảm có xá-lợi răng Phật. Vua rất mực tôn kính, tôn trí trên đài báu, đặt để trên phòng nhà, khô báu tràn mắt. Nếu không phải người có đức hạnh thì chẳng thể biết, Đại chúng vì sự hành giải ngậm thông u vi từng giáng hiện của Sư, nên đem Đạo tràng giao phó ủy thác cho Sư trông coi. Sư bèn làm giếng mới cúng dường ngày đêm tiếp thừa kinh ngưỡng. Lại vì Thiền sư Hạo đã thị tịch, trong ý Sư muốn linh hồn ở chốn u minh được thanh thản, phát nguyện trì tụng ngàn biến kinh Pháp Hoa, do đó liền chẳng ở yên trong phòng cũ, chỉ thường nhiễu quanh chùa tháp, với hai oai nghi đi và ngồi, thể tròn đầy bản nguyện. Đến lúc đủ số tám trăm quyển, tình thức Sư càng chuyên cần hôm sớm, buộc tâm chẳng tan, bèn cảm thấy thân mình

chuyển thành mạnh khỏe, chư tăng đồng ở trong chùa thấy giá xe báu trâu trắng đi vào phòng Sư, nhưng truy tìm xét xem thì không hề thấy dấu vết manh mối, mới biết đó là do cảm bởi u thông, thông suốt giáo môn mà sớm tự giữ tạo dựng và bảo vệ từ lúc mới đầu. Các nơi có người bệnh khổ, bất luận là khách mới cũ, đều chu cấp đầy đủ hỏi han, đích thân Sư lo liệu cho, còn việc tiểu đãi huyết nồng đổ tháo, Sư đều đến quét dọn. Nhưng sự khổ của bệnh hoạn, là chỗ đều khinh thường của người đời, mà Sư đều không nhờ gớm, tâm tình gấp bội vui mừng, lấy làm việc thường. (Ba duyên trên đây đều xuất xứ tục Cao Tăng Truyện quyển 19).

#### **8. Thích Tuệ Thành ở Giang Lăng, đời Trần:**

Thích Tuệ Thành, là môn nhân của Thiền sư Tuệ Tư, Sư tu thiền định, tụng kinh Pháp Hoa, chứng đắc “Tam-muội Nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn”, trì đứng trên sông, đi trên nước như đi trên đất liền.

#### **9. Thích Tuệ Dũng ở Vân Phong, thuộc Nam Nhạc, thời Tiền Đường:**

Thích Tuệ Dũng, kính thờ Thiền sư Đại Thiện, trọn một đời nương náu nơi chốn núi rừng, hơn sáu mươi năm tụng trì kinh Pháp Hoa, vào được Tam-muội Hỏa quang.

#### **10. Quốc sư Thích Tuệ Điều ở Nam Nhạc, đời Tùy:**

Thích Tuệ Điều là môn nhân của Thiền sư Trí Khải, tụng kinh Hoa Nghiêm sáu mươi quyển, tụng kinh Pháp Hoa vạn biến, chiêu cảm thần núi đến thêm hương, rải hoa.

#### **11. Thích Duyên Quang ở nước Tân-la, đời Tùy:**

Thích Duyên Quang, là môn nhân của Đại sư Trí Giả, chuyên tụng kinh Pháp Hoa lấy làm chánh, chiêu cảm vua trời xuống đón rước, cung rồng mời thỉnh giảng. Sau khi thị tịch, chiếc lưỡi màu đỏ đẹp như hoa sen hồng.

#### **12. Thích Thiện Nghĩa ở chùa Chân Ngô, đời Đường:**

Thiền sư Thích Thiện Nghĩa là môn nhân của Sa-môn Tuệ Siêu. Sư trì tụng kinh Pháp Hoa một vạn biến, ngoài việc bình nước thường đầy, còn được nhìn thấy Đài vàng, nghe nhạc trời. Sư chấp tay đứng yên mà thị tịch.

**13. Thích Hoằng Cảnh trụ chùa Ngọc Tuyên, ở phú Dương, đời Tiền Đường:**

Thích Hoằng Cảnh là môn nhân của Sa-môn Đạo Tố, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, được Bồ-tát Phổ Hiền đến trao truyền cho dấu chấm phẩy, đồng tử cõi trời ngậm đến kính hầu, đầy đủ như truyền thuyết.

